

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

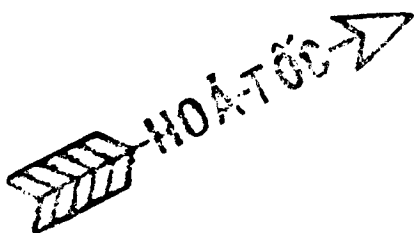
Số: **847** /CYT-KHTC

V/v Xây dựng định mức phân bổ
ngân sách của các đơn vị sự nghiệp
y tế thuộc Bộ Giao thông vận tải

Hà Nội, ngày **26** tháng **10** năm 2016

Kính gửi:

- Các Bệnh viện GTVT: Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Vinh, Nha Trang, Tháp Chàm, Tp Hồ Chí Minh;
- Các Phòng khám đa khoa GTVT: Bắc Giang, Thanh Hóa;
- Các Trung tâm: Y tế đường bộ 2, Giám định y khoa GTVT, Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường GTVT, Điều dưỡng PHCN BNN Đà Lạt, PHCN BNN Giao thông IV;
- Trung tâm Y tế Hàng không.



Ngày 21/10/2016, Bộ Giao thông vận tải đã có Văn bản số 12436/BGTVT-TC về việc xây dựng định mức phân bổ ngân sách của các đơn vị y tế thuộc Bộ GTVT. Theo đó, Bộ Giao thông vận tải giao cho Cục Y tế GTVT xây dựng định mức phân bổ ngân sách năm 2017 cho các đơn vị sự nghiệp y tế công thuộc Bộ GTVT để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Để có cơ sở xây dựng định mức phân bổ ngân sách năm 2017, Cục Y tế GTVT đề nghị các đơn vị báo cáo về một số nội dung sau:

- Đối với các đơn vị khám bệnh, chữa bệnh (giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - dân số được ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ danh mục dịch vụ kỹ thuật được phê duyệt, tình hình thực hiện năm 2016, nhiệm vụ của năm kế hoạch 2017, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và dự toán thu, chi (bao gồm cả phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí) theo các biểu mẫu: 1a, 1b, 2a, 2b, đính kèm văn bản này. Báo cáo gửi kèm theo thuyết minh về cơ sở lập dự toán năm 2017 và các tài liệu: Bảng thanh toán lương, các loại phụ cấp tháng 9/2016; Biên bản quyết toán chi phí KCB BHYT năm 2015, Biên bản quyết toán chi phí KCB BHYT các quý năm 2016. Trường hợp chưa được cơ quan BHXH quyết toán các quý năm 2016, đơn vị gửi báo cáo số liệu đề nghị BHXH quyết toán hàng quý.

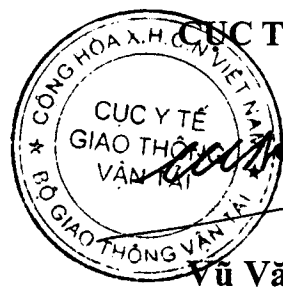
- Đối với các đơn vị còn lại (Trung tâm Giám định y khoa GTVT, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường GTVT): Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - dân số được ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ, chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực hiện năm 2016, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2017, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, đơn vị thuyết minh về cơ sở xây dựng dự toán thu, chi năm 2017 kèm theo các tài liệu có liên quan (cơ sở pháp lý để xác định chức năng nhiệm vụ; kế hoạch nhiệm vụ, kế hoạch biên chế được cấp có thẩm quyền giao hàng năm...).

Báo cáo kèm theo các tài liệu liên quan các đơn vị gửi về Cục Y tế GTVT (qua Phòng Kế hoạch tài chính) trước ngày 04/11/2016, đồng thời gửi file mềm tới địa chỉ email giangnl.cyt@mt.gov.vn để tổng hợp.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hàng không Việt Nam (để phối hợp);
- Website Cục Y tế GTVT;
- Lưu: VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG

Vũ Văn Triển

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THÔNG TƯ 37 ĐỐI VỚI SỐ THU DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	Năm 2015										Năm 2016												
		Biên chế		Giường bệnh		Dự toán NSNN thường xuyên giao tự chủ			Số thực hiện năm 2015 (không bao gồm hoạt động dịch vụ theo yêu cầu)		Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp của người bệnh và quỹ BHYT)	Biên chế		Giường bệnh		Dự toán NSNN thường xuyên giao tự chủ			Ước chi năm 2016 theo mức 1.210.000 đ (không bao gồm dịch vụ theo yêu cầu)		Ước thu BHYT		Chênh lệch nguồn thu do kết cấu tiền lương so với số chi tiền lương của BV viện	
		Chi tiêu giao	Số người lao động có mặt (bao gồm cả hợp đồng)	Giường KH	Giường thực hiện	Tổng số	Trong đó chi lương (không bao gồm PC theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46)	Trong đó phụ cấp theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46	Tổng Quỹ lương (không bao gồm PC theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46)	Tổng phụ cấp theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46		Chi tiêu giao	Số người lao động có mặt (bao gồm cả hợp đồng)	Giường KH	Giường thực hiện	Tổng số	Trong đó chi lương (không bao gồm PC theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46)	Trong đó phụ cấp theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46	Quỹ lương 12 tháng (không có PC theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46)	Tổng phụ cấp 12 tháng theo NĐ 64, NĐ 116, QĐ 46	Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp người bệnh và quỹ BHYT)	Dự kiến tiền lương thu được 12 tháng đã kết cấu trong giá dịch vụ	Các Bệnh viện chênh lệch thiếu (-) nguồn thu	Các Bệnh viện chênh lệch thừa (+) nguồn thu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22= 18-21	23= 21-18
	Nguồn số liệu										Lấy theo số liệu của cột 2 Biểu 1b									Lấy theo số liệu của cột 4 Biểu 1b	Lấy theo số liệu của cột 11 Biểu 1b			

..., ngày... tháng... năm 2016
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THÔNG TƯ 37 ĐỐI VỚI SỐ THU DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ
(Dùng cho các cơ sở y tế báo cáo Bộ chủ quản)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015		Thực hiện 9 tháng năm 2016		Đơn giá tiền lương tạm tính cho từng nhóm dịch vụ					Dự kiến tiền lương thu được 9 tháng	Dự kiến tiền lương thu được 12 tháng đã kết cấu trong giá dịch vụ
		Số lượng dịch vụ của người BHYT	Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp của người bệnh và quỹ BHYT)	Số lượng dịch vụ của người BHYT	Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp người bệnh và quỹ BHYT)	Hạng đặc biệt	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4 và chưa phân hạng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
I	Chỉ tiêu biên chế được giao	0	-	0								
	Số người lao động có mặt đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả hợp đồng)											
II	Tổng quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, BHXH (không bao gồm: quỹ lương khu vực dịch vụ theo yêu	(Điền theo số liệu tổng quỹ lương thực tế năm 2015)										(Lấy số liệu tổng quỹ lương năm 2016 theo mức lương 1.210.000 đ)
	Tổng phụ cấp theo NĐ số 64/NĐ-CP, NĐ số											
III	Giường bệnh											
1	Giường bệnh kế hoạch											
2	Giường bệnh thực kê											
IV	Tổng thu BHYT (dòng 1+...7)		-		-						-	-
1	Khám bệnh					19	19	20	21	22	-	-

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chi tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
<i>đ</i>	<i>Dịch vụ chưa xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí</i>										-	-
5.2	<i>Thu thuế</i>	-	-	-	-							
<i>a</i>	<i>Loại Đặc biệt</i>						158.5		140	140	-	-
<i>b</i>	<i>Loại I</i>						86		70	70	-	-
<i>c</i>	<i>Loại II</i>						57		45	45	-	-
<i>d</i>	<i>Loại III</i>						29.6		20	20	-	-
<i>đ</i>	<i>Dịch vụ chưa xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí</i>										-	-
6	Thuốc, màu, dịch truyền, vật tư tiêu hao thay thế (thu theo giá mua đầu thầu của BV)											
7	Thu khác											
V	Chênh lệch thiếu (-), thừa (+) nguồn thu do kết cấu tiền lương so với số chi tiền lương của đơn vị											0
VI	Dự toán chi NSNN giao hàng năm (phần thường xuyên giao tự chủ)											
	<i>Trong đó chi tiền lương</i>											

Hướng dẫn cách lập

(i) Cột đánh dấu (0): quy định điền số liệu.

(ii) Cách xác định tiền lương thu được tại cột 10 của các dịch vụ: số lượng dịch vụ cột 3 (0) mức kết cấu tiền lương trung bình theo hạng BV; Riêng các dịch vụ Xét nghiệm được tính bằng số tiền thu được tại cột số 4 (0) đơn giá tiền lương tính trên doanh thu theo dịch vụ quy định theo Hạng BV.

Ví dụ Cách Xác định tiền lương thu được tại cột 10 của các dịch vụ Xét nghiệm như sau: Tổng số tiền Xét nghiệm thu được của 3 tháng (3,4,5) năm 2016 là 1.000.000.000 đồng; Đơn giá tiền lương trên 1.000 đồng doanh thu có tiền lương quy định theo các nhóm Xét nghiệm là 107 đồng; Dự kiến số tiền lương thu được khi giá Xét nghiệm có kết cấu chi lương là = 1.000.000.000 đ 0 0,107 đ = 107.000.000 đồng (ghi vào cột 10).

..., ngày... tháng... năm 2016

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	-----------------------------

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO DANH GIẢ TÁC ĐỘNG THÔNG TƯ 37 ĐỐI VỚI SỐ THU DỊCH VỤ KHÂM BỆNH, CHỮA BỆNH NGOẠI PHẠM VI THÀNH TOÀN QUỸ BHYT

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	Năm 2015										Năm 2016																											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22= 18-21	23= 21-18															
	Biên chế	Số người lao động (bao gồm cả hợp đồng)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao											
		Số người lao động (không bao gồm hợp đồng dịch vụ)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao										
		Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp bệnh và quỹ BHYT)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao									
		Số thực hiện năm 2015 (không bao gồm hoạt động dịch vụ theo yêu cầu)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao									
		Dự toán NSNN tương tự chi	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao								
		Dự toán NSNN tương tự chi (không bao gồm dịch vụ theo yêu cầu)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao							
		Ước chi năm 2016 theo mức 1.210.000 đ (không bao gồm dịch vụ theo yêu cầu)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao							
		Ước thu BHYT	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao							
		Chênh lệch nguồn thu do kết cấu tiền lương so với số chi	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao						
		Các Bệnh viện chuyên khoa (+)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao					
Các Bệnh viện chuyên khoa (-)	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao						
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao						
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao					
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao				
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao			
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao		
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao		
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao
nguồn thu	Giao	Giao KH	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao	Giao

... ngày... tháng... năm 2016
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, tên, đóng dấu)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THÔNG TƯ 37 ĐỐI VỚI SỐ THU DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NGOÀI PHẠM VI THANH TOÁN QUỸ BHYT
(Dùng cho các cơ sở y tế báo cáo Bộ chủ quản)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015		Thực hiện 9 tháng năm 2016		Đơn giá tiền lương tạm tính cho từng nhóm dịch vụ					Dự kiến tiền lương thu được 9 tháng	Dự kiến tiền lương thu được 12 tháng đã kết cấu trong giá dịch vụ
		Số lượng dịch vụ của người BHYT	Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp của người bệnh và quỹ BHYT)	Số lượng dịch vụ của người BHYT	Số tiền thu được của người tham gia BHYT (cả thu trực tiếp người bệnh và quỹ BHYT)	Hạng đặc biệt	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4 và chưa phân hạng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
I	Chỉ tiêu biên chế được giao	0	-	0								
	Số người lao động có mặt đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả hợp đồng)											
II	Tổng quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, BHXH (không bao gồm: quỹ lương khu vực dịch vụ theo yêu	(Điền theo số liệu tổng quỹ lương thực tế năm 2015)										(Lấy số liệu tổng quỹ lương năm 2016 theo mức lương 1.210.000 đ)
	Tổng phụ cấp theo ND số 64/ND-CP, ND số											
III	Giường bệnh											
1	Giường bệnh kế hoạch											
2	Giường bệnh thực kê											
IV	Tổng thu BHYT (dòng 1+... 7)		-		-						-	-
1	Khám bệnh					19	19	20	21	22	-	-

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
2	Ngày giường điều trị nội trú	-	-	-	-						-	-
2.1	BV chuyên khoa YHCT, PHCN						87	85	82	80	-	-
2.2	Các Bệnh viện còn lại					120	110	95	92	88	-	-
3	Xét nghiệm	-	-	-	-						-	-
3.1	Xét nghiệm huyết học các loại							0.107			-	-
3.2	Xét nghiệm hóa sinh các loại							0.57			-	-
3.3	Xét nghiệm vi sinh các loại							0.13			-	-
3.4	Xét nghiệm giải phẫu bệnh các loại							0.286			-	-
4	Chẩn đoán hình ảnh	0	0	0	0						-	-
4.1	Chụp X Quang (thường quy hoặc KTS)							14			-	-
4.2	Chụp CT Scan										-	-
	- Dưới 32 lát cắt							50			-	-
	- Từ 64 đến 128 lát cắt							88			-	-
	- Từ 256 lát cắt							106			-	-
4.3	Chụp MRI							99			-	-
4.4	Chụp mạch dưới DSA							367			-	-
4.5	Siêu âm	0	0	0	0						-	-
	- Siêu âm thường							19			-	-
	- Siêu Tim, mạch máu							39			-	-
	- Siêu âm để làm can thiệp							95			-	-
4.6	Thăm dò chức năng							15			-	-
5	Phẫu thuật, thủ thuật	-	-	-	-						-	-
5.1	Phẫu thuật	-	-	-	-						-	-
a	Loại Đặc biệt							821		780	-	-
b	Loại I							499		470	-	-
c	Loại II						309		280	280	-	-
d	Loại III						209		180	180	-	-

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
<i>d</i>	<i>Dịch vụ chưa xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí</i>										-	-
5.2	<i>Thu thuế</i>	-	-	-	-						-	-
<i>a</i>	<i>Loại Đặc biệt</i>						158.5		140	140	-	-
<i>b</i>	<i>Loại I</i>						86		70	70	-	-
<i>c</i>	<i>Loại II</i>						57		45	45	-	-
<i>d</i>	<i>Loại III</i>						29.6		20	20	-	-
<i>d</i>	<i>Dịch vụ chưa xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí</i>										-	-
6	Thuốc, màu, dịch truyền, vật tư tiêu hao thay thế (thu theo giá mua đấu thầu của BV)											
7	Thu khác											
V	Chênh lệch thiếu (-), thừa (+) nguồn thu do kết cấu tiền lương so với số chi tiền lương của đơn vị											0
VI	Dự toán chi NSNN giao hàng năm (phần thường xuyên giao tự chủ)											
	<i>Trong đó chi tiền lương</i>											

Hướng dẫn cách lập

(i) Cột đánh dấu (0): quy định điền số liệu.

(ii) Cách xác định tiền lương thu được tại cột 10 của các dịch vụ: số lượng dịch vụ cột 3 (0) mức kết cấu tiền lương trung bình theo hạng BV; Riêng các dịch vụ Xét nghiệm được tính bằng số tiền thu được tại cột số 4 (0) đơn giá tiền lương tính trên doanh thu theo dịch vụ quy định theo Hạng BV.

Ví dụ Cách xác định tiền lương thu được tại cột 10 của các dịch vụ Xét nghiệm như sau: Tổng số tiền Xét nghiệm thu được của 3 tháng (3,4,5) năm 2016 là 1.000.000.000 đồng; Đơn giá tiền lương trên 1.000 đồng doanh thu có tiền lương quy định theo các nhóm Xét nghiệm là 107 đồng; Dự kiến số tiền lương thu được khi giá Xét nghiệm có kết cấu chi lương là = 1.000.000.000 ÷ 0,107 ÷ = 107.000.000 đồng (ghi vào cột 10).

..., ngày... tháng... năm 2016

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Cột 10 = Cột 3 x (một trong các chỉ tiêu tại các cột từ 5 đến 9 theo phân hạng của đơn vị)	Cột 11 = Cột 10 : 3 x 4 lần
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	-----------------------------

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)